TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-PT
Ngày: 17/4/2023
V/v "*Tranh chấp QSDĐ*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **233**/2022/TLPT- DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1040/2023/QĐPT-HC ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh M, bà Lê Thị N, địa chỉ: xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Ông Lê Tiến Đ, địa chỉ: xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Xuân L, địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị, địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Thành C, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Quảng Trị.

+ Ông Hoàng Tân C, chức vụ: Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển huyện C, tỉnh Quảng Trị.

2. Bà Nguyễn Thị H, cư trú tại:xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Chị Lê Thị Bảo C, địa chỉ: huyện C, tỉnh Quảng Trị.

3. Ngân hàng X; địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Nhật A, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng X chi nhánh huyện C, tỉnh Quảng Trị.

4. Ông Lê Đăng P và bà Lương Thị Quỳnh H, địa chỉ: Thôn T *(nay là thôn T)* xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Thanh M, bà Lê Thị N, cũng như người đại diện theo ủy quyền của ông Đ trình bày.

Ngày 26/3/2010, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Ông Trần Thanh M, bà Lê Thị N tham gia và trúng đấu giá thửa đất số 238, tờ bản đồ số 21, diện tích 240m^2 tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị với số tiền 91.500.000 đồng. Ngày 29/4/2010, ông M, bà N được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 652664. Do chưa có điều kiện làm nhà ở nên ông M chưa đến sinh sống trên thửa đất, năm 2018, ông M phát hiện gia đình ông Lê Tiến Đ, bà Nguyễn Thị H múc đất, làm thay đổi hiện trạng đất đồng thời giăng dây rào thửa đất để sử dụng trồng cây, vợ chồng ông M gửi đơn kiến nghị đến UBND xã C để hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay, ông M, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Tiến Đ, bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ hàng rào, di dời cây cối trả lại nguyên trạng diện tích đất cho ông M, bà N.

Quá trình Tòa án giải quyết, sau khi có kết quả thẩm định, hộ liền kề là ông Lê Đăng P và bà Lương Thị Quỳnh H làm sân bê tông có lấn sang diện tích 7.2m^2, ông M, bà N yêu cầu ông P, bà H dỡ bỏ phần bê tông trả lại phần đất lấn chiếm.

Hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông M đã thế chấp tại Ngân hàng X, Chi nhánh huyện C để vay vốn.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 03/7/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Tiến Đ trình bày:

Thửa đất mà UBND huyện C đưa ra đấu giá có nguồn gốc do vợ chồng ông Đ khai hoang sử dụng từ năm 1990 có diện tích hơn 2000m^2 để sản xuất nông nghiệp. Năm 2010, UBND xã C và UBND huyện C chặt cây cối, đem đất ra đấu giá nhưng không có Quyết định thu hồi đất, việc UBND huyện C cấp đất cho gia đình ông M là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bị đơn nên không đồng ý giao đất cho ông M. Từ trước đến nay gia đình ông Đ chưa nhận được hỗ trợ nào về đất và nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất nói trên nhưng UBND xã C không xem xét. Bị đơn đã khiếu nại nhiều lần và đã được UBND huyện C giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 909/QĐ-CT ngày 07/6/2010; UBND tỉnh Quảng Trị giải quyết khiếu nại lần hai số 2317/QĐ-CT ngày 02/12/2010. Ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy kết quả bán đấu giá thửa đất số 238, tờ bản đồ số 21 tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị cho ông Trần Thanh M và bà Lê Thị N;

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 652664 của UBND huyện C cấp cho ông Trần Thanh M và bà Lê Thị N ngày 29/4/2010;

+ Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 909/QĐ-CT ngày 07/6/2010 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị.

+ Hủy Quyết định số 259/QĐ-UB ngày 10/3/2005 và Quyết định 381/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị.

+ Buộc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận thửa đất số 238, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị với tổng diện tích 240m^2 cho ông Lê Tiến Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Đồng ý với ý kiến trình bày của ông Lê Tiến Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân huyện C trình bày:

Vụ việc đã được UBND tỉnh Quảng Trị tiếp nhận, giải quyết tại Quyết định số 2317/QĐ-CT ngày 02/12/2010 và UBND huyện C đã nghiêm túc tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. Do đó, UBND huyện C đồng tình quan điểm giải quyết của UBND tỉnh Quảng Trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng X trình bày: Thửa đất đang tranh chấp hiện vợ chồng ông Trần Thanh M và bà Lê Thị N đang thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng X Chi nhánh C. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đúng theo quy định pháp luật, hiện nay dư nợ gốc còn 300.000.000 đồng và lãi phát sinh. Nếu ông M tiếp tục được quyền sử dụng đất trên thì Ngân hàng tiếp tục thực hiện hợp đồng. Trường hợp ngược lại đề nghị ông M tất toán khoản vay trên tại ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đăng P trình bày: Nguồn gốc đất ông đang ở do ông Đ cho mẹ ông P mượn *(ông Đ gọi dì ruột),* sau đó ông P được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cấp đất làm nhà ở, ông Đ có tặng cho dì ruột 01m đất chiều ngang x 30m chiều dài *(phần có lấn chiếm)*. Nguyên đơn yêu cầu gia đình tháo dỡ phần sân bê tông lấn chiếm sang đất ông M, nếu Tòa án xử ông M thắng kiện thì sẽ trả lại.

Bà Lương Thị Quỳnh H không có ý kiến bằng văn bản, không tham gia tố tụng.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 34, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 38; khoản 6 Điều 49 Luật đất đai 2003;

- Căn cứ khoản 7 Điều 3, Điều 17, khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013;

- Căn cứ Điều 456; Điều 457; Điều 458 và Điều 459 Bộ luật dân sự 2005.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh M và bà Lê Thị N.

1.1. Buộc ông Lê Tiến Đ và bà Nguyễn Thị H tháo dỡ hàng rào lưới B40 và hàng cột bê tông cạnh phía Tây (giáp đất ông Lê Đăng P) có chiều dài 30m, đồng thời di dời toàn bộ cây cối, tài sản trên thửa đất để trả lại quyền sử dụng đất cho ông Trần Thanh M, bà Lê Thị N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 652664 ngày 29/4/2010, địa chỉ thửa đất thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Thửa đất có vị trí:

- Cạnh phía Bắc dài 7,21m;

- Cạnh phía Nam giáp Quốc Lộ 9 chiều dài 07m;

- Cạnh phía Đông giáp đất ông Lưu Xuân T, bà Nguyễn Thị H có chiều dài 30m;

- Cạnh phía Tây giáp đất ông Lê Đăng P, bà Lương Thị Quỳnh H chiều dài 30m.

1.2. Buộc ông Lê Đăng P, bà Lương Thị Quỳnh H tháo dỡ bê tông diện tích 7,2m^2(phía Nam giáp Quốc lộ 9 cạnh 0.36m; phía Bắc giáp đất ông M cạnh 0.36m; phía Tây giáp đất ông P cạnh 20m và phía Đông giáp đất ông M cạnh 20m) và di dời cây cối trả lại phần diện tích đất sử dụng sang đất ông Trần Thanh M, bà Lê Thị N.

(Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Tiến Đ về:

+ Hủy kết quả bán đấu giá thửa đất số 238, tờ bản đồ số 21 tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị cho ông Trần Thanh M và bà Lê Thị N;

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 652664 của UBND huyện C cấp cho ông Trần Thanh M và bà Lê Thị N ngày 29/4/2010;

+ Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 909/QĐ-CT ngày 07/6/2010 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị;

+ Hủy Quyết định số 259/QĐ-UB ngày 10/3/2005 và Quyết định số 381/QĐ- UBND ngày 26/01/2011 của UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị.

+ Buộc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận thửa đất số 238, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị với tổng diện tích 240m^2 cho ông Lê Tiến Đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2022 và ngày 20/10/2022 ông Nguyễn Tiến Đ, bà Nguyễn Thị H kháng cáo và kháng cáo bổ sung đối với Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông Đ, bà H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng và áp dụng không đúng pháp luật, do vậy, ông Đ và bà H, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, ông Đinh Xuân Linh, giữ nguyên kháng cáo, bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho bà Lê Thị Bảo Chi, bà Chi có đơn trình bày giữ nguyên kháng cáo và xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên Toà phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông Lê Tiến Đ và bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Tiến Đ có yêu cầu hủy các quyết định cá biệt có liên quan, cụ thể ông Đ yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau: Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 909/QĐ-CT ngày 07/6/2010 của Chủ tịch UBND huyện C; hủy Quyết định số 259/QĐ-UB ngày 10/3/2005 và Quyết định 381/QĐ- UBND ngày 26/01/2011 của UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Xét thấy, các quyết định hành chính nêu trên đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2317/QĐ-CT ngày 02/12/2010, thực hiện Quyết định số 2317/QĐ-CT ngày 02/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị, UBND huyện C đã có Quyết định số 382/QĐ-UB ngày 26/01/2011 hỗ trợ bồi thường số tiền 12.563.000 đồng cho hộ gia đình ông Đ, nhưng gia đình ông Đ không nhận và cũng không khiếu nại, khởi kiện gì, do vậy, các Quyết định số 2317/QĐ-CT Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị; Quyết

định số 382/QĐ-UB ngày 26/01/2011 nói trên là những quyết định hành chính không bị khiếu nại hoặc khởi kiện, đã có hiệu lực pháp luật từ khi ban hành. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa và xác định những người con của ông Đ, bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không cần thiết và đúng quy định của pháp luật, do không phải đất nông nghiệp do Nhà nước giao hoặc công nhận gì cho hộ gia đình. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ yêu cầu của ông Đ, bà H, quá trình giải quyết vụ án không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Nguồn gốc thửa đất và quá trình sử dụng: Theo hồ sơ địa chính tại UBND xã C, huyện C thể hiện, tại Bản đồ địa chính lập tháng 11/1997, thửa đất đang tranh chấp *(thửa đất số 238, tờ bản đồ số 21 tại thôn T, xã C)* thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 20, diện tích 6.856m^2 đất an ninh quốc phòng; theo Sổ mục kê lập năm 1997, tên chủ sử dụng là Trung đoàn 19, diện tích 6.856m^2 đất an ninh quốc phòng. Năm 2000, Trung đoàn 19 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất này không có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, như vậy, diện tích đất này có nguồn gốc được xác định là đất an ninh quốc phòng, sau đó giao cho UBND xã C quản lý. Quá trình lập hồ sơ địa chính tại xã C không chỉnh lý mà xác định theo thời điểm năm 1997 là thuộc đất quốc phòng, theo Bản đồ quy hoạch khu dân cư T thì thửa đất đã được quy hoạch Khu dân cư *(theo QĐ số 1989/2005/QĐ-UBND ngày 21/10/2005 của UBND huyện C về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết các cụm dân cư mới xã C*).

Gia đình ông Lê Tiến Đ, bà Nguyễn Thị H cho rằng, thửa đất do họ khai hoang năm 1990, nhưng quá trình sử dụng không đăng ký, kê khai. Theo UBND xã C trình bày: Sau khi chuyển nhượng đất đang ở của gia đình (*phía Nam đường Quốc lộ 9)* thì đầu năm 2004 gia đình ông Đ đến ở, trồng cây ăn quả và cây lâm nghiệp trên thửa đất hiện đang tranh chấp, tháng 10/2004 ông Đ làm nhà ở trên lô đất có tranh chấp nêu trên *(lô 14)*, UBND xã C đã nhiều lần lập Biên bản đình chỉ xây dựng trái phép, nhưng gia đình ông Đ, bà H không chấp hành mà vẫn xây dựng nhà để ở. Ngày 10/3/2005, UBND huyện C có Quyết định số 259/QĐ-UB về việc thu hồi 2.915m^2 đất trồng cây hàng năm do gia đình ông Đ đang sử dụng, tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 20, lý do thu hồi đất do gia đình ông Đ sử dụng trái phép. Ông Đ không chấp hành và bà H có đơn khiếu nại. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 909/QĐ-CT ngày 07/6/2010 của Chủ tịch UBND huyện cam Lộ không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của bà H; Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 909/QĐ-

CT nói trên, bà H tiếp tục khiếu nại, nhưng trong thời điểm trên, ngày 21/10/2005, UBND huyện C có Quyết định số 1989/2005/QĐ-UBND về việc duyệt quy hoạch chi tiết các cụm dân cư mới xã C, trong Quyết định này có 14 lô đất mà ông Đ khiếu nại. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị ban bành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, số 2317/QĐ-CT ngày 02/12/2010 về nội dung, chỉ công nhận 1 phần khiếu nại. Yêu cầu UBND huyện C điều chỉnh nội dung lý do thu hồi; tiến hành xem xét nhu cầu xin giao đất của gia đình ông Đ và làm các thủ tục để hỗ trợ về đất và cây cối. Thực hiện Quyết định số 2317/QĐ-CT UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị, UBND huyện C đã điều chỉnh Quyết định số 259/QĐ-UB ngày 10/3/2005, thay bằng Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 26/01/2011, đã xem xét, hỗ trợ cho ông Đ, bà H, nhưng vợ chồng ông Đ, bà H không nhận tiền hỗ trợ cũng không có khiếu nại, khởi kiện gì, như đã phân tích ở phần

[2.2].Căn cứ các quyết định hành chính đã có hiệu lực pháp luật nêu trên, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 21, diện tích 240m^2 tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị đang tranh chấp thuộc quyền quản lý của Nhà nước, UBND huyện C đã tổ chức bán đấu giá đối với thửa đất là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Theo kết quả đấu giá thửa đất của Hội đồng đấu giá đất của UBND huyện C ngày 26/3/2010, ông Trần Thanh M, bà Lê Thị N tham gia đấu giá và trúng đấu giá lô số 12, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 21, diện tích 240m^2 tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất số BA 652664 ngày 29/4/2010 cho ông Trần Thanh M, bà Lê Thị N là đúng trình tự, thẩm quyền và đúng đối tượng theo quy định tại khoản 6 Điều 49 Luật Đất đai năm 2003 và phù hợp với các quy định tại các Điều 456; Điều 457; Điều 458 và Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2005, theo quy định của pháp luật, quyền sử dụng hợp pháp thửa đất nói trên là của ông Trần Thanh M, bà Lê Thị N.

Từ những nhận định trên, xét thấy tại Bản án sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Thanh M, bà Lê Thị N, đồng thời không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Tiến Đ là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lê Tiến Đ và bà Nguyễn Thị H, về việc yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

[3]. Đối với phần Quyết định của Bản án sơ thẩm đối với ông Lê Đăng P và bà Lương Thị Quỳnh H; chi phí thẩm định; án phí sơ thẩm; quy định về thi hành án; lãi suất chậm thanh toán, không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí phúc thẩm, do không chấp nhận kháng cáo nên ông Lê Tiến Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lê Tiến Đ và bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 38; khoản 6 Điều 49 Luật đất đai 2003; khoản 7 Điều 3, Điều 17, khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 456; Điều 457; Điều 458 và Điều 459 Bộ luật dân sự 2005.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh M và bà Lê Thị N.

Buộc ông Lê Tiến Đ và bà Nguyễn Thị H tháo dỡ hàng rào lưới B40 và hàng cột bê tông cạnh phía Tây (giáp đất ông Lê Đăng P) có chiều dài 30m, đồng thời di dời toàn bộ cây cối, tài sản trên thửa đất để trả lại quyền sử dụng đất cho ông Trần Thanh M, bà Lê Thị N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 652664 ngày 29/4/2010, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Thửa đất có vị trí:

- Cạnh phía Bắc chiều dài 7,21m;

- Cạnh phía Nam giáp Quốc Lộ 9 chiều dài 07m;

- Cạnh phía Đông giáp đất ông Lưu Xuân T, bà Nguyễn Thị H chiều dài 30m;

- Cạnh phía Tây giáp đất ông Lê Đăng P, bà Lương Thị Quỳnh H chiều dài 30m.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Tiến Đ về:

+ Hủy kết quả bán đấu giá thửa đất số 238, tờ bản đồ số 21 tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị cho ông Trần Thanh M và bà Lê Thị N;

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 652664 của UBND huyện C cấp cho ông Trần Thanh M và bà Lê Thị N ngày 29/4/2010;

+ Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 909/QĐ-CT ngày 07/6/2010 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị.

+ Hủy Quyết định số 259/QĐ-UB ngày 10/3/2005 và Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị.

+ Buộc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận thửa đất số 238, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị với tổng diện tích 240m^2 cho ông Lê Tiến Đ.

3. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc: Buộc ông Lê Đăng P, bà Lương Thị Quỳnh H tháo dỡ bê tông diện tích 7,2m^2 (*phía Nam giáp Quốc lộ 9 cạnh 0.36m; phía Bắc giáp đất ông M cạnh 0.36m; phía Tây giáp đất ông P cạnh 20m và phía Đông giáp đất ông M cạnh 20m*) và di dời cây cối trả lại phần diện tích đất sử dụng sang đất ông Trần Thanh M, bà Lê Thị N; chi phí tố tụng; quy định về thi hành án, lãi suất chậm thanh toán không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

(*Có sơ đồ hiện trạng thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C lập kèm theo Bản án sơ thẩm).*

4. Về án phí phúc thẩm: khoản 1 Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016, ông Lê Tiến Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên thu tiền tạm ứng án phí số 0000164 ngày 12/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị, ông Đ, bà H đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi